

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2108/HS-PT
Ngày 19 - 11- 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm

Các Thẩm phán: Mai Xuân Thành
Bà Bùi Thị Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Kỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 46/2018/TLPT-HS ngày 23 tháng 10 năm 2018 đối với các bị cáo Phạm Xuân H, Đặng Đình T1, Đặng Đình T2 do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 55/2018/HS-ST ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Ninh Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Xuân H, sinh năm 1981 tại huyện G, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Xuân T và bà Đặng Thị H; có vợ Nguyễn Thị T và 02 con; Không có tiền án, tiền sự; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt)

2. Đặng Đình T1, sinh năm 1995 tại huyện G, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn

hoá 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình H và bà Nguyễn Thị H; có vợ Vũ Thị H và 01 con; Không có tiền án, tiền sự; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

3. Đặng Đình T2, sinh ngày 30/4/2000 tại huyện G, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Đình H và bà Nguyễn Thị H; chưa có vợ; Không có tiền án, tiền sự; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

- Bị hại không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập: Anh Vũ Thành T3, sinh năm 1977. Nơi cư trú: số nhà 35, ngõ 26, phố T, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án không triệu tập: Bà Đặng Thị Đ, sinh năm 1954. Nơi cư trú thôn V, xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 15/6/2018 Phạm Xuân H thấy nhà bà Đặng Thị Đ là hàng xóm của H đi vắng không có ai trông nhà nên H đã nảy sinh ý định trộm cắp Phong Lan treo trước vườn và sau nhà bà Đ để về chơi. H trèo qua tường bao giữa nhà H và bà Đ vào trong vườn để trộm cắp Phong Lan. H lấy 03 giò Phong Lan gồm: 02 giò Phong Lan Phi Điệp (01 giò 20 ngọn; 01 giò 07 ngọn) và 01 giò Phong Lan Kiều Vàng 07 ngọn treo ở tường bao trước cửa nhà bà Đ rồi đem về nhà cất giấu. Sau đó H đi đến nhà Đặng Đình T1 cùng thôn chơi, tại đây H gặp T1 và em trai T1 là Đặng Đình T2 và H nói với T1 và T2 “bên nhà ông C có mấy giò Phong Lan đẹp lắm đi sang lấy đi” ý rủ T1 và T2 đi trộm cắp Phong Lan (ông C là bố bà Đ). T1 và T2 đồng ý cùng Hiền đến nhà bà Đ để trộm cắp Phong Lan, cả ba trèo qua tường bao giữa nhà Hiền và nhà bà Đ vào trong vườn để trộm cắp Phong Lan. T2 lấy 06 giò Phong Lan treo trên cây bưởi và cây nhãn gồm: 02 giò Phong Lan Hồ Điệp, 01 giò Phong Lan Vũ Nữ, 01 giò Phong Lan Bảo Sắc, 02 giò Phong Lan Ngọc Thạch, 02 giò Phong Lan Nghệ Tâm và 02 chậu Phong Lan để ở sân gồm: 01 chậu Phong Lan Trầm và 01 chậu Phong Lan Chuối Ngọc. T1 lấy 03 chậu

Phong Lan để ở sân gồm: 01 chậu Phong Lan Cát Lay A, 01 chậu Phong Lan Vũ Nữ và 01 chậu Phong Lan Hồ Điệp. H lấy 05 giò Phong Lan treo trên cây buồm và cây nhãn trước nhà gồm: 01 giò Phong Lan Kiều Tím, 01 giò Phong Lan Sóc Lào, 01 giò Phong Lan Đùi Gà và 02 giò Phong Lan Phi Điệp. Ngoài ra T1, T2 và H dùng tay bóc tách 62 ngọn Phong Lan trên cây nhãn trước cửa nhà và cửa bếp nhà bà Đ gồm: 01 ngọn Phong Lan Đuôi Chồn, 31 ngọn Phong Lan Phi Điệp, 10 ngọn Phong Lan Long Tú, 10 ngọn Phong Lan Ngọc Thạch, 01 ngọn Phong Lan Sóc Lào và 01 ngọn Phong Lan Hồ Điệp. Sau khi trộm cắp số Phong Lan trên H, T2 và T1 mang về nhà H chia nhau, H lấy 03 giò Phong Lan số Phong Lan còn lại T2 và T1 mang về nhà mình cất giấu. Khoảng 14 giờ cùng ngày nhớ ra nhà bà Đ có lắp camera do sợ bị phát hiện nên T1, T2 và H đã mang số giò, chậu và ngọn Phong Lan sang nhà bà Đ để rải rác trong sân và vườn nhà bà Đ. H giữ lại 03 giò Phong Lan gồm: 02 giò Phong Lan Phi Điệp và 01 giò Phong Lan Kiều Vàng. T2 giữ lại 01 giò Phong Lan Kiều Tím, 01 giò Phong Lan Hồ Điệp và 10 ngọn Phong Lan Ngọc Thạch để chơi. Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, bà Đặng Thị Đ đã làm đơn trình báo cơ quan Công an.

- Cơ quan điều tra Công an huyện Gia Viễn đã thu giữ: 14 giò Phong Lan các loại gồm: 01 giò Phong Lan Vũ Nữ có 02 ngọn, 01 giò Phong Lan Nghệ Tâm có 13 ngọn, 01 giò Phong Lan Ngọc Thạch có 03 ngọn, 01 giò Phong Lan Hồ Điệp có 20 ngọn, 01 giò Phong Lan Hồ Điệp có 04 ngọn, 01 giò Phong Lan Bảo Sắc có 03 ngọn, 01 giò Phong Lan Phi Điệp có 05 ngọn, 01 giò Phong Lan Sóc Lào có 03 ngọn và 01 giò Phong Lan Đùi Gà có 03 ngọn. 05 chậu Phong Lan các loại gồm: 01 chậu Phong Lan Trầm có 06 ngọn, 01 chậu Phong Lan Chuối Ngọc có 07 ngọn, 01 chậu Phong Lan Cát Lay A có 20 ngọn, 01 chậu Phong Lan Vũ Nữ có 06 ngọn và 01 chậu Phong Lan Hồ Điệp có 07 ngọn; 09 ngọn Phong Lan Đuôi Chồn, 11 ngọn Phong Lan Phi Điệp, 10 ngọn Phong Lan Long Tú, 01 ngọn Phong Lan Hồ Điệp, 01 ngọn Phong Lan Sóc Lào. Đây là số Phong Lan mà H, T1 và T2 trộm cắp được ở nhà bà Đ sau đó mang trả lại và để rải rác ở sân và vườn nhà bà Đ.

Quá trình điều tra Đặng Đình T1 tự nguyện giao nộp lại 01 giò Phong Lan Kiều Tím có 05 ngọn, 01 giò Phong Lan Hồ Điệp có 03 ngọn và 10 ngọn Phong Lan Ngọc Thạch. Phạm Xuân H tự nguyện giao nộp 01 giò Phong Lan Phi Điệp có 20 ngọn, 01 giò Phong Lan Phi Điệp có 07 ngọn và 01 giò Phong Lan Kiều Vàng có 07 ngọn.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KLĐG - HĐ ngày 11/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G xác định: 14 giò, 05 chậu, 62 ngọn Phong Lan có tổng trị giá 35.600.000đồng (ba mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng); 02 giò Phong Lan Phi Điệp và 01 giò Phong Lan Kiều Vàng mà Phạm Xuân H trộm cắp nhà bà Đ có tổng trị giá 7.500.000đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HSST ngày 20/9/2018 Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Ninh Bình: Tuyên bố bị cáo Phạm Xuân H, Đặng Đình T1, Đặng Đình T2 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Xuân H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Đình T2 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Đình T1 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Đặng Đình T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2018 bị cáo Phạm Xuân H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo địa phương.

Ngày 30/9/2018 bị cáo Đặng Đình T2 kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo địa phương.

Ngày 30/9/2018 bị cáo Đặng Đình T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Xuân H vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo tại địa phương với lý do bị cáo thành khẩn khai báo, tuổi đời còn trẻ, trình độ học vấn thấp, khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản không có ý vụ lợi về kinh tế do nông nổi nhất thời dẫn đến hành vi phạm tội, sau khi thực hiện hành vi bị cáo đã tự cùng đồng phạm trả lại gần hết số Phong Lan đã lấy của nhà bà Đ chỉ để lại 03 giò Phong Lan để chơi sau đó đã giao

nộp hết cho cơ quan Công an, đã sang nhà bị hại xin lỗi và trả lại các tài sản trộm cắp cho bị hại. Mặt khác bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Các bị cáo Đặng Đình T2 và Đặng Đình T1 vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo thành khẩn khai báo, tuổi đời còn trẻ, trình độ học vấn thấp, phạm tội do bị rủ rê lôi kéo, bản thân không có công ăn việc làm ổn định, khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản không có ý vụ lợi về kinh tế. Do nông nổi nhất thời dẫn đến hành vi phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện sang nhà bị hại xin lỗi và trả lại các tài sản trộm cắp cho bị hại. Mặt khác bị hại cũng có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo Đặng Đình T1 trình bày thêm hiện tại sau khi sinh con được 10 ngày vợ bị cáo đã bỏ đi nên bị cáo đang một mình nuôi con gái nhỏ 7 tháng tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố mẹ tuổi cao, già yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương. Ủy ban nhân dân xã T đã xác nhận hoàn cảnh và xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà các bị cáo H, T1 và T2 đã gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm b, c, d khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Xuân H, Đặng Đình T1 và Đặng Đình T2; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HSST ngày 20/9/2018 Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Ninh Bình về phần áp dụng điều luật và hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Xuân H từ 18 đến 24 tháng, khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Đình T1 từ 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Đặng Đình T1 từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Đặng Đình T1 và Đặng Đình T2.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình nhận được Quyết định thi hành án. Giao

các bị cáo Phạm Xuân H, Đặng Đình T1 và Đặng Đình T2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Lời nói sau cùng các bị cáo đều thể hiện rõ thái độ ăn năn, hối hận, hứa không tái phạm và xin cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng.

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Phạm Xuân H, Đặng Đình T1 và Đặng Đình T2 là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Phạm Xuân H, Đặng Đình T1 và Đặng Đình T2 tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 11 giờ trưa ngày 15/6/2018 tại thôn V, xã T, huyện G; Phạm Xuân H cùng Đặng Đình T1 và Đặng Đình T2 đã có hành vi lén lút trèo qua tường bao nhà bà Đặng Thị Đ lấy 11 giò, 05 chậu và 62 ngọn Phong Lan các loại trị giá 35.600.000 đồng. Trước đó H đã tự trèo tường sang nhà bà Đ lén lút lấy 03 giò Phong Lan gồm: 02 giò Phi Điệp và 01 giò Kiều Vàng tổng trị giá 7.500.000 đồng. Sau đó khoảng 14 giờ chiều cùng ngày cả 3 đã tự nguyện đem trả lại phần lớn số Phong Lan sang nhà bà Đ chỉ giữ lại một số giò để chơi gồm: T1 giữ lại 03 giò Phong Lan trị giá 2.300.000 đồng; Phạm Xuân H giữ lại 03 giò Phong Lan trị giá 7.500.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương của cả 3 bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự, an toàn xã hội tại địa phương nên phải bị xét xử nghiêm minh trước pháp luật với mức

hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của từng bị cáo để cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội. Đây là vụ án đồng phạm mang tính chất giản đơn Phạm Xuân H là người khởi xướng, rủ rê lôi kéo bị cáo T1 và T2 cùng thực hiện tội phạm nên bị cáo H giữ vai trò đầu phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Đặng Đình T2 và Đặng Đình T1 khi được H rủ đã đồng ý ngay và tích cực thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với H nên cả 2 bị cáo giữ vai trò theo thứ tự Đặng Đình T1 rồi đến Đặng Đình T2.

Về động cơ, mục đích thực hiện tội phạm của các bị cáo chỉ vì tính hiếu kỳ thấy hoa Phong Lan của hàng xóm đẹp nên muốn lấy về để chơi và tiếp tục nuôi trồng, không có mục đích vụ lợi về kinh tế và cũng không hiểu biết về giá trị của Phong Lan. Lợi dụng bà Đ là chủ nhà đi vắng Hiến đã trèo tường sang lấy trộm 03 giò Phong Lan sau đó lại tiếp tục rủ T1 và T2 sang nhà bà Đ lấy tiếp Phong Lan. Tổng cộng là 14 giò, 03 chậu và 62 ngọn Phong Lan có giá trị là 43 triệu đồng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tài sản đã trộm cắp nêu trên.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H thực hiện hành vi trộm cắp Phong Lan của anh T3 (cháu bà Đ) 02 lần trong ngày 15/6/2018 nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo T1 và T2 không có tình tiết tăng nặng. Bị cáo T2 bị đồn Công an khu Công nghiệp K, huyện G xử phạt cảnh cáo về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy ngày 05/12/2017 khi đó T2 chưa đủ 18 tuổi nên không bị coi là đã từng có tiền sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo T2 và bị cáo T1 phạm tội lần đầu. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho cả 3 bị cáo nên án sơ thẩm áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H; áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo T2 và T1 là có căn cứ.

Tuy nhiên xét thấy sau khi thực hiện hành vi trộm cắp Phong Lan đến 14 giờ chiều cùng ngày 15/6/2018 cả 3 bị cáo đã tự nguyện đem trả lại hầu hết số Phong Lan đã trộm cắp chỉ để lại một số giò Phong Lan để chơi. Khi cơ quan điều tra báo gọi đến làm việc vào ngày 16/6/2018 cả 3 bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi và

tiếp tục tự nguyện giao nộp toàn bộ số giò Phong Lan còn lại để trả cho người bị hại đây là hành vi rất tích cực của các bị cáo trong việc tự nguyện bồi thường khắc phục tối đa hậu quả do hành vi của các bị cáo đã gây ra là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng thêm cho cả 3 bị cáo.

Đối với bị cáo H trước khi rủ T2 và T1 sang trộm cắp Phong Lan của anh T3, H đã tự mình sang nhà bà Đ lấy 03 giò Phong Lan của anh T3. Khi cơ quan điều tra báo gọi đến làm việc và chưa bị ai phát hiện ra hành vi lần đầu của mình nhưng H đã tự khai ra với cơ quan điều tra hành vi của mình đã thực hiện trước khi rủ T2 và T1 nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội tự thú” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm các bị cáo đều giao nộp thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới: người bị hại anh Vũ Thành T3 có đơn xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương với lý do các bị cáo là hàng xóm thân thiết, tuổi trẻ nhất thời phạm tội đã tự nguyện trả lại toàn bộ tài sản cho gia đình không gây ra thiệt hại tổn thất gì, hoàn cảnh gia đình các bị cáo hiện rất khó khăn. Sau khi phạm tội đã ăn năn hối hận sang nhà xin lỗi gia đình nên anh đề nghị Tòa án xét cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Cả ba bị cáo đều có đơn trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương. Bị cáo T1 hiện đang phải một mình nuôi con nhỏ 7 tháng tuổi do vợ bị cáo mới sinh con được 10 ngày thì bỏ đi. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự mới xuất hiện tại cấp phúc thẩm cần áp dụng thêm cho các bị cáo. Xét cả 3 bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự ngoài lần phạm tội này họ luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 36 Bộ luật Hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa phúc thẩm để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 55/2018/HSST ngày 20/9/2018 Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Ninh Bình về áp dụng pháp luật và hình phạt, khấu trừ 5% thu

nhập hàng tháng của các bị cáo H và T2 để sung quỹ Nhà nước. Riêng bị cáo T1 do có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đang một mình nuôi con nhỏ 7 tháng tuổi nên miễn khấu trừ thu nhập.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên cả ba bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; các điểm b, c, đ khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Xuân H, Đặng Đình T1 và Đặng Đình T2; sửa bản án hình sự sơ thẩm: số 55/2018/HSST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Ninh Bình về áp dụng pháp luật và hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Xuân H 18 (Mười tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”, khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đặng Đình T1 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Đặng Đình T2 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Đặng Đình T2 để sung quỹ Nhà nước. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Đặng Đình T1.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình nhận được Quyết định thi hành án. Giao các bị cáo Phạm Xuân H, Đặng Đình T1 và Đặng Đình T2 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Ninh Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thi hành án. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Phạm Xuân H, Đặng Đình T1 và Đặng Đình T2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 19/11/2018./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1 bản)
 - VKSND Tỉnh Ninh Bình (3 bản)
 - Phòng kiểm tra nghiệp vụ THA (2 bản)
 - TAND huyện G (2 bản)
 - VKSND huyện G (1 bản)
 - CA huyện G (1 bản)
 - Chi cục THADS huyện G (1 bản)
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản)
 - Bị cáo (3 bản)
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1 bản)
 - Lưu hồ sơ (2 bản)
 - Lưu tòa (1 bản)
 - Lưu tổ hành chính tư pháp (1 bản)
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thắm

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1 bản)
 - VKSND Tỉnh Ninh Bình (3 bản)
 - Phòng kiểm tra nghiệp vụ THA (2 bản)
 - TAND huyện Gia Viễn (2 bản)
 - VKSND huyện Gia Viễn (1 bản)
 - CA huyện Gia Viễn (1 bản)
 - Chi cục THADS huyện Gia Viễn (1 bản)
 - Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản)
 - Bị cáo (1 bản)
 - Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình (1 bản)
 - Lưu hồ sơ (2 bản)
 - Lưu tòa (1 bản)
 - Lưu tổ hành chính tư pháp (1 bản)
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thắm